TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN IA GRAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HS-ST
Ngày 20 - 02 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hà;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyên Văn Hoàng.

2. Bà Nguyễn Thị Mý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Tấn Lập – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 2 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2020/HSST ngày 21 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lô Văn T**, tên gọi khác: Không có; sinh ngày 16 tháng 8 năm 1996 tại tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi phạm tội: Bản N, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lô Văn D và bà Lữ Thị X; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/7/2019 đến nay.

Có mặt.

2. Họ và tên: **Trần H**, tên gọi khác: C; sinh ngày 01 tháng 01 năm 1983 tại Bình Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định; chỗ ở trước khi phạm tội: Làng B, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp:

Làm nông; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần H và bà Phạm Thị B; có vợ là bà Phạm Thị D (sinh năm 1997; nghề nghiệp: Làm nông) và có 01 người con sinh năm 2017. (Hiện vợ và con sinh sống tại làng B, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai); tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 18/11/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai T phạt 45 tháng tù về tội "Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy", bị cáo chấp hành án tại Trại giam Gia Trung, tổng cục VIII Bộ Công an, ngày 28/5/2016 chấp hành xong hình phạt, đã được xóa án tích. Bị bắt, tạm giam ngày 21/7/2019.

Tiền án, tiền sự: không.

Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lô Văn T: Ông Thiều Hữu M - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:* Người làm chứng: Ông Vi Văn N, địa chỉ: Hiện đang cai nghiện tại Trung tâm cai nghiện ma túy tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lô Văn T và Trần H là các đối tượng nghiện ma túy và có quen biết với nhau. Ngày 16/7/2019 T gặp đối tượng N (chưa xác định được nhân thân lai lịch) ở xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An và mua của N 1.800.000đ (một triệu tám trăm ngàn đồng) ma túy, loại Heroin sau đó đón xe khách vào Gia Lai, đến sáng ngày 17/7/2019 T vào đến nhà H ở làng B, xã I, huyện G. Tại đây T nói với H em có ít ma túy mình chia ra bán kiếm tiền sử dụng tiếp, H đồng ý. T và H cùng đi vào nhà tắm của gia đình H sử dụng và chia nhỏ ma túy ra được 46 gói (tép) nhỏ, sau đó T đưa cho H 30 tép mang đi bán, còn T giữ 16 tép. Khoảng 11 giờ cùng ngày H bán cho Vi Văn N (sinh năm 1985, trú tại: xã I, huyện H, tỉnh Kon Tum) 01 tép với giá 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) tại lô cao su gần nhà H và bán cho một số đối tượng khác (không xác định được nhân thân lai lịch) hết 24 tép, còn 05 tép H giữ sử dụng. Tổng số tiền H bán ma túy có được là 3.600.000đ (ba triệu sáu trăm ngàn đồng), số tiền này H đã đưa cho T. Cùng ngày T bán cho 03 đối tượng (không xác định được nhân thân lai lịch) 03 tép ma túy, được số tiền 500.000đ (năm trăm ngàn đồng), số ma túy còn lại T giữ và sử dụng hết.

Khoảng 7 giờ sáng ngày 18/7/2019 T, H cùng uống cà phê với T (không xác định được lai lịch) ở làng B, xã I, huyện G. Tại đây T và T bàn bạc với nhau về việc ra Nghệ An để mua ma túy về bán và sử dụng. Khoảng 08 giờ cùng ngày T, H và T đón xe khách ra thành phố P. Sau đó T gọi điện về quê hỏi giá mua ma túy thì được biết giá ma túy là 4.000.000đ (bốn triệu đồng) một chỉ. T trao đổi với T thì T nói đắt quá ở quê T bán khoảng 3.000.000đ (ba triệu đồng) đến 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng) một chỉ. Vì không thống nhất được giá mua ma túy nên T về Nghệ An còn T và H về Thanh Hóa mua ma túy.

Ngày 19/7/2019 T về đến Nghệ An và đến gặp N mua 2.500.000đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng) ma túy. Sau đó T mang số ma túy mua được về nhà bố mẹ chia ra được 64 tép. Sau đó, T có bán 02 tép cho các con nghiện ở gần nhà được số tiền 400.000đ (bốn trăm ngàn đồng) và T sử dụng 02 tép. Chiều tối cùng ngày H điện thoại cho T hỏi mua được ma túy chưa nếu mua được rồi thì cùng đi xe Việt Hưng vào Gia Lai luôn, T đồng ý. Sáng ngày 20/7/2019 T đón xe vào Gia Lai cùng H và T. Khi xe đến Quảng Trị dừng ăn cơm T lấy 02 tép ma túy đưa cho H 01 tép và T giữ 01 sử dụng 01 tép. Sáng ngày 21/7/2019 trên đường về xã I, huyện G thì T xuống xe, còn T và H tiếp tục đi về xã I. H điện thoại cho Vi Văn N nhờ N cho mượn 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) để trả tiền xe và chở T cùng H về nhà H ở làng B, xã I. Trên đường về nhà H các đối tượng có ghé bãi đất trống để sử dụng ma túy thì bị tổ công tác của Đồn biên phòng I huyện G phối hợp với tổ công tác của phòng phòng chống ma túy, tội phạm bộ đội biên phòng tỉnh Gia Lai đang làm nhiệm vụ tại khu vực làng D, xã I, huyện G kiểm tra bắt giữ. Quá trình kiểm tra phát hiện trong túi xách của Lô Văn T có 1 túi nilon màu trắng, bên trong có 58 gói giấy chứa chất bột màu trắng đục.

Tại kết luận số 485/KLGĐ ngày 24/7/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, kết luận: Toàn bộ chất màu trắng đục, dạng bột trong 58 gói giấy trong bì thư niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Heroin, khối lượng 2,1627 gam.

Đối với đối tượng N là người bán ma túy cho T hiện nay qua xác minh chưa xác định được nhân thân lai lịch vì vậy Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác định đủ căn cứ sẽ xử lý sau. Đối với đối tượng Vi Văn N khi chở T và H về nhà H thì N không biết H và T có ma túy, N mua ma túy của H với mục đích là để sử dụng và hiện nay đã sử dụng hết không thu giữ được do đó Cơ quan điều tra không xử lý đối với N về hình sự và đã đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ia Grai áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với N.

Quá trình điều tra tạm giữ của Lô Văn T 01 điện thoại di động Nokia màu đen, đã qua sử dụng và 01 chứng minh nhân dân mang tên Lô Văn T. Tạm giữ của Trần H 01 điện thoại di động Nokia, màu đen, đã qua sử dụng.

Tại bản Cáo trạng số Số: 07/CTr-VKS ngày 20 tháng 01 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo **Lô Văn T** và **Trần H** đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai đề nghị Hội đồng xét xử T xử: Bị cáo **Lô Văn T** và **Trần H** phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo **Lô Văn T** từ 8 năm đến 8 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo **Trần H** từ 8 năm đến 8 năm 06 tháng tù.

- Về Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì có dấu niêm phong; tịch thu sung công 02 điện thoại di động; trả lại 01 Chứng minh Nhân dân cho bị cáo Lô Văn T.

- Đề nghị áp dụng khoản 5 điều 251 Bộ luật Hình sự: Phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 10-15 triệu đồng.

Ý kiến của các bị cáo Lô Văn T, Trần H: Thừa nhận hành vi phạm tội như Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai đã truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Lô Văn T: Thống nhất với tội danh, điểm, khoản, điều luật và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà Viện kiểm sát đề nghị. Đề nghị xử phạt bị cáo T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" với mức hình phạt không quá 8 năm tù.

Về hình phạt bổ sung và xử lý vật chứng: Người bào chữa đề nghị không phạt tiền đối với bị cáo T vì bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định; không tịch thu điện thoại mà trả lại cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Lô Văn T, Trần H thừa nhận đã nhiều lần mua bán trái phép chất ma túy để thu lợi. Trong việc mua bán chất ma túy, Lô Văn T là người khởi xướng, trực tiếp mua ma túy từ đối tượng cư trú ở Nghệ an để về bán lại cho các đối tượng trên địa bàn huyện Ia Grai. Trần H là đồng phạm,trực tiếp thực hiện việc bán ma túy cho các đối tượng nghiện trên địa bàn huyện Ia Grai.

Về số lần mua bán, số lượng ma túy mua bán, thời gian, địa điểm thực hiện việc mua bán, số tiền thu lợi, các bị cáo đều thừa nhận đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Đối chiếu lời khai của các bị cáo cùng các chứng cứ khác đã được thẩm tra tại phiên tòa như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Kết luận giám định chất ma túy... thấy phù hợp.

Xác định các bị cáo Lô Văn T, Trần H có tội.

Tội danh các bị cáo đã phạm là: "Mua bán trái phép chất ma túy" được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, tác động xấu,gây nhiều hệ lụy đến đời sống, trật tự trị an xã hội, gây bức xúc cho nhân dân trên địa bàn. Do vậy phải bị xử lý nghiêm để răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Đây là vụ án có nhiều người thực hiện tội phạm nhưng chỉ ở mức đồng phạm giản đơn. Mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội mà từng bị cáo thực hiện là khác nhau nên cần xem xét để quyết định hình phạt cho tương xứng.

- Đối với bị cáo Lô Văn T là người khởi xướng, trực tiếp thực hiện việc mua ma túy để bán lại và cũng là người thu lợi từ số tiền ma túy bán được để tiếp tục mua ma túy nhằm bán kiếm lời. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt đối với bị cáo ở mức nặng hơn so đồng phạm còn lại, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài để bị cáo có điều kiện được giáo dục, cải tạo thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

- Đối với bị cáo Trần H tuy không phải là người khởi xướng nhưng khi bị cáo T cho biết có ma túy, bán để kiếm lời thì bị cáo đã tích cực ý thực hiện việc mua bán. Nhân thân bị cáo trước đây đã từng bị xét xử về tội phạm cùng loại nhưng đã không thực sự sửa đổi mà lại tiếp tục phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử cũng thấy cần phải xử lý nghiêm,cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để đảm bảo tác dụng răn đe và cải tạo đối với bị cáo.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự :

- Đối với bị cáo Lô Văn T: Được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Người phạm tội thành khẩn khai báo" quy định tại điểm s khoản 1 Điều

51 Bộ luật hình sự; bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức có hạn chế nên áp dụng thêm khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Đối với bị cáo Trần H: Được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Người phạm tội thành khẩn khai báo" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa về tội danh, mức hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng cho các bị cáo là có căn cứ pháp luật nên được chấp nhận.

- Đối với ý kiến của Kiểm sát viên về hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bi cáo. Xét các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Điều kiện kinh tế có khó khăn nên không chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên về phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Đối với ý kiến của Người bào chữa về việc trả lại 01 điện thoại di động cho bị cáo Lô Văn T, xét đây là vật chứng mà bị cáo sử dụng có liên quan trực tiếp đến việc thực hiện tội phạm nên phải bị tịch thu sung công. Không chấp nhận ý kiến của người bào chữa về vấn đề này.

[7] Về xử lý vật chứng: Vật chứng hiện còn của vụ án: 01 phong bì thư chứa chất ma túy (được niêm phong theo quy định); 02 điện thoại di động Nokia màu đen, đã qua sử dụng; 01 chứng minh nhân dân mang tên Lô Văn T được xử lý theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

T bố các bị cáo Lô Văn T, Trần H phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma túy".*

- Áp dụng điểm *b khoản 2 Điều 251,điểm s khoản 1; khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự*. Xử phạt bị cáo Lô Văn T 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ *ngày 21/7/2019;*

- Áp dụng điểm *b khoản 2 Điều 251,điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự*. Xử phạt bị cáo Trần H 08 năm 06 tháng tù (tám năm sáu tháng tù). Thời hạn tù tính từ *ngày 21/7/2019.*

- Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự T:

- Tịch thu tiêu hủy *01 phong bì thư chứa chất ma túy (được niêm phong theo quy định)*

- Tịch thu sung công *02 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, đã qua sử dụng.*

- T trả lại cho Lô Văn T *01 chứng minh nhân dân mang tên Lô Văn T.*

(Đặc điểm các vật chứng nêu trên theo Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 14 tháng 2 năm 2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai).

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH: Buộc các bị cáo Lô Văn T và Trần H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án, các bị cáo được quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Ia Grai;*
- *Công an huyện Ia Grai;*
- *Chi cục THADS huyện Ia Grai;*
- *Bị cáo và người tham gia tố tụng;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;*
- *Lưu VT, HSVA.*

(đã ký)

Lê Văn Hà